TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2025
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Hồng Quân
Bà Trần Thị Thanh Tâm

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phan Thị Ngọc Bích – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Huy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28/2025/TLST-HNGĐ, ngày 28/4/2025 về việc "*Ly hôn*" (Thụ lý số 13/2025/TB-TA ngày 03/7/2025 của Toà án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh). Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/6/2025; Quyết định hoãn phiên toà số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2025, Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên toà số 181/TB-TA ngày 01/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1982, CCCD: 042182016833, địa chỉ: Thôn Trung V, xã C, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt tại phiên toà;

- Bị đơn: Anh Hồ Văn V, sinh năm: 1980, CCCD: 042080009458, địa chỉ: Thôn Trung V, xã C, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Phạm Thị T cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, vụ án có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Hồ Văn V sau thời gian tự do tìm hiểu, yêu đương đã đăng ký kết hôn ngày 24/7/2001, tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện Ng (nay là xã C), tỉnh Hà Tĩnh, theo số đăng ký: 28/2001. Gia đình tổ chức lễ cưới công khai theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại Thôn Trung V, xã C, tỉnh Hà Tĩnh và có 01 con chung. Trong thời gian sống chung, vợ chồng bất đồng quan điểm, Anh V không quan

tâm, yêu thương và chăm lo cuộc sống gia đình. Vợ chồng ly thân từ năm 2015. Đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Hồ Văn V có 01 con chung là Hồ Thị Thanh H, sinh ngày: 15/6/2002. Con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Toà án giải quyết về quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Hồ Văn V không có mặt tại địa phương. Toà án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng nhưng mẹ đẻ Anh V là bà Trần Thị Đ từ chối nhận, không cung cấp địa chỉ Anh V. Do đó, Toà án không tiếp nhận được ý kiến của bị đơn liên quan đến nội dung chị Phạm Thị T khởi kiện.

Toà án tiến hành xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã C, tỉnh Hà Tĩnh thể hiện anh Hồ Văn V hiện đang đăng ký thường trú và thỉnh thoảng có mặt tại địa phương. Toà án đã tiến hành giao văn bản tố tụng nhưng Anh V cố tình trốn tránh, người nhà cũng không hợp tác nên Toà án tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Về yêu cầu của nguyên đơn, Uỷ ban nhân dân xã C, tỉnh Hà Tĩnh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, các đương sự; phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T, xử cho chị Phạm Thị T ly hôn anh Hồ Văn V; con chung đã trưởng thành nên không xem xét; tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Chị Phạm Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Phạm Thị T và anh Hồ Văn V hiện nay đang đăng ký thường trú tại Thôn Trung V, xã C, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại khoản 14 Điều 3; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6, khoản 1, 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh địa chỉ thường trú, tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn thông qua người thân thích của Anh V nhưng họ không hợp tác. Do đó, Toà án đã thực hiện niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Toà án đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên toà nhưng bị đơn không có mặt; phiên tòa được mở lần hai. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hồ Văn V theo quy định của pháp luật.

[1.4] Tòa án yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác minh địa chỉ thường trú của đương sự và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là tuân thủ quy định tại Điều 95, 96, 98, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Anh Hồ Văn V đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà án làm việc cũng như không tham gia phiên hoà giải. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án đã ban hành Thông báo về việc vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được.

[2] Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Phạm Thị T và anh Hồ Văn V hôn nhân tự nguyện, tuân thủ các điều kiện kết hôn và thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn ngày 24/7/2001, tại Uỷ ban nhân dân xã C, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì hôn nhân của chị Phạm Thị T và anh Hồ Văn V là hợp pháp.

[2.1.2] Theo trình bày của chị Phạm Thị T, mâu thuẫn phát sinh trong quá trình vợ chồng sống chung và trở nên trầm trọng từ năm 2015. Hai bên thường xuyên xảy ra cự cãi do không tin tưởng, bất đồng quan điểm, lối sống. Anh V không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015. Chị T khẳng định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

[2.1.3] Pháp luật về Hôn nhân và gia đình Việt Nam có chính sách và biện pháp bảo hộ hôn nhân và gia đình, tạo điều kiện để nam, nữ xác lập hôn nhân tự nguyện, vợ chồng bình đẳng; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ… nhưng hôn nhân của chị Phạm Thị T và anh Hồ Văn V không còn hướng tới xây dựng gia đình hạnh phúc.

[2.1.4] Tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và Gia đình quy định: *" Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được là thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng".*

[2.1.5] Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định *"Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn" (khoản 1 Điều 51*); *"Ly hôn*

theo yêu cầu của một bên: Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được" (khoản 1 Điều 56).

[2.1.6] Xét thấy, hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa chị Phạm Thị T và anh Hồ Văn V không còn. Vợ chồng không yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị T như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Phạm Thị T và anh Hồ Văn V ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Trần Phạm Thị T và anh Hồ Văn V có 01 con chung là Hồ Thị Thanh H, sinh ngày: 15/6/2002. Con chung đã trưởng thành, không thuộc trường hợp được giám hộ nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 235, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 14 Điều 3, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1982 và anh Hồ Văn V, sinh năm: 1980, cùng địa chỉ tại: Thôn Trung V, xã C, tỉnh Hà Tĩnh: Ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Chị Trần Phạm Thị T và anh Hồ Văn V có 01 con chung là Hồ Thị Thanh H, sinh ngày: 15/6/2002. Con chung đã trưởng thành, không thuộc trường hợp được giám hộ nên miễn xét

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Phạm Thị T đã nộp theo

Biên lai số 0006734 ngày 28/4/2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Hà Tĩnh).

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, khoản 1, 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn.

***Nơi nhận*:**
- TAND, VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 3 – Hà Tĩnh;
- Phòng THADS khu vực 3 – Hà Tĩnh;
- UBND xã C;
- Công an xã C;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Lê Nữ Ngọc Diệp